

Số: 4645 /QĐ-UBND

Long An, ngày 06 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Thú y, lĩnh vực Bảo vệ thực vật; thủ tục hành chính bãi bỏ lĩnh vực Nông nghiệp, lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật được thực hiện tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Long An

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 752/TTr-SNN ngày 02/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo quyết định này 07 thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Thú y, lĩnh vực Bảo vệ thực vật, 14 thủ tục hành chính bãi bỏ lĩnh vực Nông nghiệp, Trồng trọt và Bảo vệ thực vật được trực tiếp thực hiện tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Long An (kèm theo 47 trang phụ lục).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- CT.UBND tỉnh;
- Trung tâm CNTT (Sở TT và TT);
- TTPVHCC;
- Phòng THKSTTHC;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trần Văn Cần

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC THÚ Y, LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT ĐƯỢC THỰC HIỆN TẠI SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH LONG AN
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4645/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Long An)



PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua bưu chính công ích		TTHC thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến
						Nhận qua bưu chính công ích	Trả qua bưu chính công ích	
I. Lĩnh vực Thú y: 04 thủ tục								
1	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh (1.002338.000.00.00.H39)	- Đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT, từ cơ sở sơ chế, chế biến được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch - Đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở thu gom, kinh doanh; Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở chăn nuôi chưa được giám sát dịch bệnh động vật; Động	Đội Nghiệp vụ trực thuộc Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản.	Thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy	- Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội; - Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			

		<p>vật chưa được phòng bệnh theo quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật thú y hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc-xin nhưng không còn miễn dịch bảo hộ; Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở chưa được công nhận an toàn dịch bệnh động vật; Sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm động vật chưa được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y hoặc khi có yêu cầu của chủ hàng:</p> <p>+ 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương quyết định và thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch</p> <p>+ 05 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 05 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p>		<p>định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.</p>	<p>Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;</p> <p>- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.</p> <p>- Quyết định số 700/QĐ-BNN-VP ngày 01/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành danh mục TTHC trong lĩnh vực nông nghiệp và PTNT.</p>			
2	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển	<p>- Đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật thú y</p> <p>+ Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch</p>	Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (Chi cục Chăn	Thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày	<p>- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội;</p> <p>- Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ</p>			

	ra khỏi địa bàn cấp tỉnh (2.000873.000.00.00.H39)	<p>+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 03 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>- Đối với động vật thủy sản làm giống xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc tham gia chương trình giám sát dịch bệnh, cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch</p>	nuôi, Thú y và Thủy sản hoặc các Đội nghiệp vụ được uỷ quyền).	14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.	<p>Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;</p> <p>- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.</p> <p>- Quyết định số 700/QĐ-BNN-VP ngày 01/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành danh mục TTHC trong lĩnh vực nông nghiệp và PTNT.</p>			
3	Kiểm dịch đối với động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật	<p>- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương quyết định và thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch</p> <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 03 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận</p>	Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy	Thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy	<p>- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội.</p> <p>- Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về kiểm dịch</p>			

	thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm (1.001094.000. 00.00.H39)	kiểm dịch thú cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	sản hoặc các Đội nghiệp vụ được ủy quyền).	định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.	động vật, sản phẩm động vật thủy sản. - Quyết định số 700/QĐ-BNN-VP ngày 01/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành danh mục TTHC trong lĩnh vực nông nghiệp và PTNT.			
4	Đăng ký hỗ trợ vắc xin phòng bệnh heo tai xanh trên địa bàn tỉnh Long An	12 ngày làm việc kể từ ngày người chăn nuôi đăng ký hỗ trợ vắc xin tại ấp, khu phố.	Chi cục Chăn nuôi Thú y và Thủy sản (thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT)	Không	Quyết định số 12/2016/QĐ- UBND ngày 03/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An về việc ban hành Quy định về hỗ trợ vắc xin phòng bệnh heo tai xanh trên địa bàn tỉnh Long An.			

II. Lĩnh vực Bảo vệ thực vật: 03 thủ tục

1	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa	24 giờ kể từ ngày nhận hồ sơ.	Trạm Kiểm dịch thực vật nội địa thuộc Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực	+ Phí kiểm dịch thực vật. + Mức phí thu tùy theo khối lượng từ 278.000 -	- Thông tư số 33/2014/TT- BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật			
---	---	-------------------------------	---	---	--	--	--	--

			vật và Quản lý chất lượng nông sản.	550.000 đồng.	thẻ thuộc diện kiểm dịch thực vật. - Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phi trong lĩnh vực bảo vệ thực vật. - Quyết định số 4307/QĐ-BNN-PC ngày 24/10/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố TTHC chuẩn hóa thuộc chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.			
2	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và kiểm tra an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu	+ Cấp Giấy chứng nhận kiểm tra ATTP cho các lô hàng nhập khẩu trong thời gian không quá 01 (một) ngày làm việc như sau: .Đối với trường hợp quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 9 (Tại cửa khẩu hoặc nơi tập kết, thực hiện kiểm tra hồ sơ, ngoại quan và lấy mẫu kiểm nghiệm với tần suất đến 10% đối với các lô hàng nhập khẩu tùy theo mức độ rủi ro của hàng hóa. Trường hợp này, tổ chức cá nhân được phép làm thủ tục thông quan sau khi được Cơ quan kiểm tra thực hiện kiểm tra hồ sơ, ngoại quan đạt yêu cầu và cấp Giấy chứng nhận kiểm tra ATTP theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 của Thông tư số 12/2015/TT-BNNPTNT ngày 16/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT), khoản 2 (Trường hợp lô hàng nhập khẩu đang bị áp dụng phương thức kiểm tra chặt nhưng không phải lấy mẫu kiểm nghiệm, tổ chức cá nhân được phép làm thủ tục thông quan sau khi được cơ quan kiểm tra thực hiện kiểm tra hồ sơ, ngoại quan đạt yêu cầu.) và điểm a, khoản 3 Điều 10 (Đối với lô hàng của tổ chức cá nhân không có hàng hóa cùng loại, cùng nước xuất xứ nhập khẩu vi phạm trước đó: Được phép làm thủ tục thông quan sau khi có kết quả kiểm tra hồ sơ, ngoại quan đạt yêu cầu) của Thông tư số 12/2015/TT-BNNPTNT ngày 16/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ đăng ký. . Đối với trường hợp quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 10 (Đối với lô hàng của tổ chức, cá nhân có hàng hóa cùng loại, cùng nước xuất xứ nhập khẩu trước đó đã vi phạm quy định về ATTP: Chỉ được phép làm thủ tục thông quan sau khi có kết quả kiểm tra, kiểm nghiệm mẫu đạt yêu cầu) của Thông tư số 12/2015/TT-BNNPTNT	Tram Kiểm dịch thực vật nội địa thuộc Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Quản lý chất lượng nông sản.	Theo quy định tại Thông tư số 231/2016/ TT-BTC ngày 11/11/2016 về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phi trong lĩnh	- Thông tư số 33/2014/TT- BNNPTNT ngày 30/10/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thẻ thuộc diện kiểm dịch thực vật. - Thông tư số 30/2017/TT- BNNPTNT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển			

		<p>ngày 16/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT kể từ khi có kết quả phân tích đạt yêu cầu của phòng kiểm nghiệm được chỉ định.</p> <p>+ Thông báo lô hàng không đạt yêu cầu ATIP (theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 của Thông tư số: 12/2015/TT-BNNPTNT) trong thời gian không quá 01 (một) ngày làm việc sau khi có kết quả kiểm tra lô hàng không đạt yêu cầu.</p> <p>+ Thời gian từ khi lấy mẫu, gửi mẫu, kiểm nghiệm và trả lời kết quả tối đa không quá 10 ngày làm việc.</p>		<p>vực bảo vệ thực vật.</p>	<p>nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2014 quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật và sửa đổi khoản 3 Điều 2 Thông tư số 18/2016/TT-BNNPTNT ngày 24/6/2016 về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.</p> <p>- Thông tư số 34/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 và Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ</p>				
--	--	--	--	-----------------------------	---	--	--	--	--

					<p>Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật. - Quyết định số 4307/QĐ-BNN-PC ngày 24/10/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố TTHC chuẩn hóa thuộc chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT trong lĩnh vực bảo vệ thực vật. 			
3	<p>Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật</p>	<p>24 giờ kể từ ngày nhận hồ sơ.</p>	<p>Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Quản lý chất lượng nông sản (thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)</p>	<p>Phi kiểm dịch thực vật (Mục III, biểu phí kèm theo Thông tư số 231/2016/T T-BTC ngày 11/11/2016)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13; - Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật. 			

					<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư 35/2015/TT-BNNPTNT ngày 14/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về kiểm dịch thực vật nội địa. - Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật. - Quyết định số 4307/QĐ-BNN-PC ngày 24/10/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố TTHC chuẩn hóa thuộc chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT trong lĩnh vực bảo vệ thực vật. 		
--	--	--	--	--	--	--	--

Tổng cộng: 07 thủ tục trên 02 lĩnh vực.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

STT	Mã hồ sơ TTHC (T-LAN-....-	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
I. Lĩnh vực Nông nghiệp : 13 thủ tục			
1	T-LAN-286621-TT	Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển ra ngoài tỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.
2	T-LAN-286622-TT	Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển ra ngoài tỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.
3	T-LAN-286610-TT	Khai báo và kiểm dịch đối với thủy sản giống vận chuyển trong nước	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.
4	T-LAN-286623-TT	Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển trong tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

5		Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển trong tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.
6	T-LAN-286624-TT	Kiểm dịch động vật tham gia hội chợ, triển lãm, biểu diễn nghệ thuật, thi đấu thể thao.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.
7	T-LAN-286625-TT	Kiểm dịch sản phẩm động vật tham gia hội chợ, triển lãm	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.
8	T-LAN-286611-TT	Kiểm dịch thủy sản giống tại địa phương tiếp nhận	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản; - Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

9	T-LAN-286612-TT	Kiểm dịch đối với sản phẩm thủy sản vận chuyển trong nước	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản; - Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.
10	T-LAN-286613-TT	Kiểm dịch đối với thủy sản thương phẩm vận chuyển trong nước	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản; - Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.
11	T-LAN-00659-TT	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật	Thông tư số 73/2003/TT-BNN ngày 01 tháng 07 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện công tác kiểm dịch thực vật nội địa.
12	T-LAN-289556-TT	Đăng ký kiểm tra, cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm lô hàng nhập khẩu	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 12/2015/TT-BNNPTNT ngày 16/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn kiểm tra an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu. - Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.
13	T-LAN-287119-TT	Đăng ký hỗ trợ vắc xin phòng bệnh heo tai xanh trên địa bàn tỉnh Long An	Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND ngày 03/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An về việc ban hành Quy định về hỗ trợ vắc xin phòng bệnh heo tai xanh trên địa bàn tỉnh Long An
II. Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật : 01 thủ tục			
01	T-LAN-289547-TT	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận	- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13.

		chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư 35/2015/TT-BNNPTNT ngày 14/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về kiểm dịch thực vật nội địa. - Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.
--	--	--	---

Tổng cộng: 14 thủ tục trên 02 lĩnh vực.

PHẦN II
NỘI DUNG CỤ THỂ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC TRỰC TIẾP
THỰC HIỆN TẠI SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH LONG AN

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

I. LĨNH VỰC THÚ Y

1. Tên thủ tục: Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trước khi vận chuyển động vật ra khỏi địa bàn cấp tỉnh chủ hàng phải đăng ký kiểm dịch tại Đội Nghiệp vụ (trực thuộc Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản). Kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch, Đội Nghiệp vụ quyết định và thông báo cho chủ hàng đăng ký kiểm dịch về địa điểm, thời gian kiểm dịch.

- Bước 2:

* Kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh

Nội dung kiểm dịch đối với động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại Khoản 1 Điều 37 Luật Thú y, cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện như sau:

- + Kiểm tra lâm sàng;
- + Lấy mẫu xét nghiệm bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT;
- + Niêm phong, kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật;
- + Hướng dẫn, giám sát chủ hàng thực hiện tiêu độc khử trùng phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật;
- + Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch;
- + Thông báo cho cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin sau đây: Số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, số lượng hàng, mục đích sử dụng, biển kiểm soát phương tiện vận chuyển. Thực hiện thông báo ngay sau khi cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch đối với động vật vận chuyển để làm giống, tổng hợp thông báo theo tuần đối với động vật vận chuyển để giết mổ;

+ Trường hợp động vật không bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y, cơ quan kiểm dịch động vật không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch và tiến hành xử lý theo quy định.

- Nội dung kiểm dịch đối với động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT, cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện như sau:

- + Niêm phong, kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật;

+ Hướng dẫn, giám sát chủ hàng thực hiện tiêu độc khử trùng phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật;

* Kiểm dịch sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh

- Nội dung kiểm dịch đối với sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật thú y, cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện như sau:

+ Kiểm tra thực trạng hàng hóa, điều kiện bao gói, bảo quản sản phẩm động vật;

+ Lấy mẫu kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT;

+ Niêm phong, kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển sản phẩm động vật;

+ Hướng dẫn, giám sát chủ hàng thực hiện tiêu độc khử trùng phương tiện chứa đựng, vận chuyển sản phẩm động vật;

+ Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch;

+ Trường hợp sản phẩm động vật không bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y, cơ quan kiểm dịch động vật không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch và tiến hành xử lý theo quy định;

+ Tổng hợp thông báo theo tuần cho cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin sau đây: Số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, loại hàng, số lượng hàng, mục đích sử dụng, biển kiểm soát phương tiện vận chuyển.

- Nội dung kiểm dịch đối với sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT, từ cơ sở sơ chế, chế biến được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y, cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện như sau:

+ Niêm phong, kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển sản phẩm động vật;

+ Hướng dẫn, giám sát chủ hàng thực hiện tiêu độc khử trùng phương tiện chứa đựng, vận chuyển sản phẩm động vật;

+ Tổng hợp thông báo theo tuần cho cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin sau đây: Số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, loại hàng, số lượng hàng, mục đích sử dụng, biển kiểm soát phương tiện vận chuyển.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Đội Nghiệp vụ (trực thuộc Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đăng ký theo Mẫu 1 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT.

* Số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT, từ cơ sở sơ chế, chế biến được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch.

- Đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở thu gom, kinh doanh; Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở chăn nuôi chưa được giám sát dịch bệnh động vật; Động vật chưa được phòng bệnh theo quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật thú y hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc-xin nhưng không còn miễn dịch bảo hộ; Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở chưa được công nhận an toàn dịch bệnh động vật; Sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm động vật chưa được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y hoặc khi có yêu cầu của chủ hàng:

+ 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương quyết định và thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch

+ 05 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 05 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Đội Nghiệp vụ trực thuộc Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận kiểm dịch

g) Phí, lệ phí: Thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Giấy đăng ký theo Mẫu 1 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

k) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội;

- Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;
- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.
- Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 và Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định, quản lý chất lượng an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 1

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẠN
CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH

Số:...../ĐK-KDDV

Kính gửi:
Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):
Địa chỉ giao dịch:
Chứng minh nhân dân số: Cấp ngày...../...../..... tại.....
Điện thoại: Fax: Email:
Đề nghị được làm thủ tục kiểm dịch số hàng sau:

I/ ĐỘNG VẬT:

Loại động vật	Giống	Tuổi	Tính biệt		Mục đích sử dụng
			Đực	Cái	
Tổng số					

Tổng số (viết bằng chữ):

Nơi xuất phát:

Tình trạng sức khỏe động vật:

Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với bệnh:

..... theo Quyết định số .../... ngày...../...../..... của (1).... (nếu có).

Số động vật trên đã được xét nghiệm các bệnh sau (nếu có):

1/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày/...../.....

2/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày/...../.....

3/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày/...../.....

4/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày/...../.....

5/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày/...../.....

Số động vật trên đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh sau (loại vắc xin, nơi sản xuất):

1/ tiêm phòng ngày/...../.....

2/ tiêm phòng ngày/...../.....

3/ tiêm phòng ngày/...../.....

4/ tiêm phòng ngày/...../.....

5/ tiêm phòng ngày/...../.....

II/ SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT:

Tên hàng	Quy cách đóng gói	Số lượng (2)	Khối lượng (kg)	Mục đích sử dụng

Tổng số			
----------------	--	--	--

Tổng số (*viết bằng chữ*):

Số sản phẩm động vật trên đã được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo kết quả xét nghiệm số .../..... ngày.../...../ của ... (3) (*nếu có*).

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

Điện thoại: Fax:

III/ CÁC THÔNG TIN KHÁC:

Tên tổ chức, cá nhân nhập hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Nơi đến (*cuối cùng*):

Phương tiện vận chuyển:

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (*nếu có*):

1/ Số lượng: Khối lượng:

2/ Số lượng: Khối lượng:

3/ Số lượng: Khối lượng:

Điều kiện bảo quản hàng trong quá trình vận chuyển:

Các vật dụng khác liên quan kèm theo:

Các giấy tờ liên quan kèm theo:

Địa điểm kiểm dịch:

Thời gian kiểm dịch:

Tôi xin cam đoan việc đăng ký trên hoàn toàn đúng sự thật và cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y.

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

Đồng ý kiểm dịch tại địa điểm.....

.....

..... vào hồi giờ..... ngày/...../

Vào sổ đăng ký số ngày...../...../

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(*Ký, ghi rõ họ tên*)

Đăng ký tại.....

Ngày thángnăm

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

(*Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên*)

- Đơn đăng ký được làm 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ;
- Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;
- (1) Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận.
- (2) Số lượng kiện, thùng, hộp,...

2. Tên thủ tục: Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trước khi vận chuyển động vật thủy sản sử dụng làm giống ra khỏi địa bàn cấp tỉnh; động vật thủy sản thương phẩm, sản phẩm động vật thủy sản xuất phát từ vùng công bố dịch ra khỏi địa bàn cấp tỉnh chủ hàng gửi hồ sơ đăng ký kiểm dịch đến cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản hoặc các Đội nghiệp vụ được uỷ quyền).

- Bước 2:

** Kiểm dịch động vật thủy sản sử dụng làm giống xuất phát từ cơ sở nuôi trồng thủy sản chưa được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc chưa được giám sát dịch bệnh theo quy định hoặc từ cơ sở thu gom, kinh doanh vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh*

- Việc kiểm dịch được thực hiện ngay tại nơi nuôi giữ tạm thời; bể, ao ương con giống của các cơ sở nuôi trồng thủy sản; cơ sở thu gom, kinh doanh.

- Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện kiểm dịch như sau:

+ Kiểm tra số lượng, chủng loại, kích cỡ động vật thủy sản;

+ Kiểm tra lâm sàng;

+ Lấy mẫu kiểm tra các bệnh theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT;

+ Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y phương tiện vận chuyển và các vật dụng kèm theo;

+ Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 55 của Luật thú y;

+ Kiểm tra, giám sát quá trình bốc xếp động vật thủy sản giống lên phương tiện vận chuyển;

+ Thông báo cho cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin gồm: Số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, loại hàng, số lượng hàng, tên chủ hàng, nơi hàng đến, biên kiểm soát của phương tiện vận chuyển vào 16 giờ 30 phút hàng ngày.

- Trường hợp chỉ tiêu xét nghiệm bệnh dương tính, cơ quan kiểm dịch động vật nội địa không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch và tiến hành xử lý theo quy định về phòng chống dịch bệnh thủy sản.

** Kiểm dịch động vật thủy sản sử dụng làm giống xuất phát từ các cơ sở nuôi trồng thủy sản an toàn dịch bệnh hoặc được giám sát dịch bệnh vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh*

- Cơ sở phải bảo đảm được công nhận an toàn dịch hoặc được giám sát dịch bệnh đối với các bệnh động vật thủy sản theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT.

- Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện như sau:

+ Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y phương tiện vận chuyển và các vật dụng kèm theo;

+ Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 55 của Luật thú y;

+ Kiểm tra, giám sát quá trình bốc xếp động vật thủy sản giống lên phương tiện vận chuyển;

** Kiểm dịch động vật thủy sản thương phẩm xuất phát từ vùng công bố dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh*

- Động vật thủy sản thương phẩm thu hoạch từ cơ sở nuôi không có dịch bệnh trong vùng công bố dịch, cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện việc kiểm dịch như sau:

+ Kiểm tra số lượng, chủng loại, kích cỡ động vật thủy sản;

+ Kiểm tra lâm sàng;

+ Lấy mẫu kiểm tra tác nhân gây bệnh đối với động vật thủy sản thương phẩm cảm nhiễm với bệnh được công bố dịch theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT;

- Động vật thủy sản thu hoạch từ cơ sở nuôi có bệnh đang công bố dịch phải được chế biến (xử lý nhiệt hoặc tùy từng loại bệnh có thể áp dụng biện pháp xử lý cụ thể bảo đảm không để lây lan dịch bệnh) trước khi đưa ra khỏi vùng có công bố dịch.

** Kiểm dịch sản phẩm động vật thủy sản xuất phát từ vùng công bố dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh*

- Việc kiểm dịch được thực hiện ngay tại cơ sở sơ chế, chế biến của chủ hàng.

- Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện việc kiểm dịch như sau:

+ Kiểm tra số lượng, chủng loại sản phẩm động vật thủy sản;

+ Kiểm tra việc thực hiện các quy định về sơ chế, chế biến thủy sản trước khi đưa ra khỏi vùng công bố dịch;

+ Kiểm tra tình trạng bao gói, bảo quản, cảm quan đối với sản phẩm động vật thủy sản;

+ Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y phương tiện vận chuyển và các vật dụng kèm theo;

+ Thực hiện hoặc giám sát chủ hàng thực hiện việc vệ sinh, khử trùng tiêu độc phương tiện vận chuyển và các vật dụng kèm theo trước khi xếp hàng lên phương tiện vận chuyển;

+ Kiểm tra, giám sát quá trình bốc xếp sản phẩm động vật thủy sản lên phương tiện vận chuyển; niêm phong phương tiện vận chuyển; thực hiện hoặc giám sát chủ hàng thực hiện việc vệ sinh, khử trùng tiêu độc nơi tập trung, bốc xếp hàng.

Trường hợp sản phẩm động vật thủy sản không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, cơ quan kiểm dịch động vật nội địa không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch và tiến hành xử lý theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc thư điện tử, fax sau đó gửi hồ sơ gốc hoặc gửi trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đăng ký kiểm dịch theo mẫu 01 TS Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT .

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật thú y

+ Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 03 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với động vật thủy sản làm giống xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc tham gia chương trình giám sát dịch bệnh, cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản hoặc các Đội nghiệp vụ được ủy quyền).

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận kiểm dịch.

g) Phí, lệ phí: Thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Giấy đăng ký kiểm dịch theo mẫu 01 TS Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT .

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

k) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội.

- Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định, quản lý chất lượng an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 01TS

**ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN VẬN
CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH**

Số:..... ĐKKD-VCTS

Kính gửi:

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ giao dịch:

Điện thoại: Fax: E.mail:

CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp..... Tại.....

Đề nghị được kiểm dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh số hàng sau:

TT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích thước cá thể/Dạng sản phẩm ⁽¹⁾	Số lượng/ Trọng lượng
			Tổng số	

Tổng số viết bằng

chữ:

Mục đích sử dụng:

Quy cách đóng gói/bảo quản: Số lượng bao gói:

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh con giống/nuôi trồng/sơ chế, chế biến/ bảo quản:

Mã số cơ sở (nếu có):

Điện thoại: Fax: E.mail:

Tên tổ chức, cá nhân nhận hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E.mail:

Nơi đến/nơi thả nuôi cuối cùng:

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ Số lượng/Trọng lượng:

2/ Số lượng/Trọng lượng:

3/.....Số lượng/Trọng lượng:.....

Phương tiện vận chuyển:

Địa điểm kiểm dịch:

Thời gian kiểm dịch:

*** Đối với sản phẩm thủy sản xuất phát từ cơ sở nuôi có bệnh đang công bố dịch đề nghị cung cấp bổ sung các thông tin sau đây:**

- Thời gian thu hoạch:.....

- Mục đích sử dụng động vật thủy sản mắc bệnh:.....

- Biện pháp xử lý động vật thủy sản mắc bệnh trước khi vận chuyển:.....

Chúng tôi cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y./.

CÁN BỘ TIẾP NHẬN GIẤY ĐĂNG KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đăng ký tại

Ngày..... tháng..... năm.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Kích thước cá thể (đối với thủy sản giống)/Dạng sản phẩm đối với sản phẩm thủy sản);
- Giấy khai báo kiểm dịch được làm thành 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do tổ chức, cá nhân giữ.

3. Tên thủ tục: Kiểm dịch đối với động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm

a) Trình tự thực hiện: Tổ chức, cá nhân khi vận chuyển động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm phải đăng ký kiểm dịch với Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản hoặc các Đội nghiệp vụ được ủy quyền).

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện.

Giấy đăng ký kiểm dịch (Mẫu 01 TS Phụ lục V thông tư số 26/2016/TT-BNN)

c) Thành phần hồ sơ:

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương quyết định và thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 03 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh hoặc các Đội nghiệp vụ được ủy quyền.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận kiểm dịch.

g) Phí, lệ phí: Thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không quy định.

h) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

k) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội.

- Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định, quản lý chất lượng an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.

4. Tên thủ tục: Đăng ký hỗ trợ vắc xin phòng bệnh heo tai xanh trên địa bàn tỉnh Long An

a) Trình tự thực hiện

+ Bước 1: Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo đăng ký hỗ trợ vắc xin, người chăn nuôi đến trụ sở ấp, khu phố để đăng ký danh sách hộ có nhu cầu hỗ trợ vắc xin tiêm phòng bệnh heo tai xanh.

+ Bước 2: Trong thời gian 03 ngày làm việc, UBND các xã, phường, thị trấn (UBND cấp xã) thẩm định danh sách của ấp, khu phố và đăng ký nhu cầu vắc xin của cấp xã gửi UBND cấp huyện.

+ Bước 3: Trong thời gian 03 ngày làm việc, UBND các huyện, thị xã, thành phố (UBND cấp huyện) thẩm định nhu cầu vắc xin của cấp xã và tổng hợp đăng ký nhu cầu vắc xin của cấp huyện gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Bước 4: Trong thời gian 03 ngày làm việc, sau khi tổng hợp nhu cầu vắc xin tiêm phòng của cấp huyện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện tiêm phòng để làm cơ sở triển khai thực hiện.

* Thời gian đăng ký, thẩm định hồ sơ: Từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ).

. Sáng: Từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút.

. Chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ.

b) Cách thức thực hiện: Người chăn nuôi đến trụ sở ấp, khu phố để đăng ký nhu cầu hỗ trợ vắc xin.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ: Danh sách hộ chăn nuôi có nhu cầu hỗ trợ vắc xin tiêm phòng bệnh heo tai xanh.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc kể từ ngày người chăn nuôi đăng ký hỗ trợ vắc xin tại ấp, khu phố.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp xã, UBND cấp huyện, Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Các hộ chăn nuôi heo có quy mô tổng đàn từ 50 con trở xuống trên địa bàn tỉnh Long An được hỗ trợ vắc xin phòng bệnh heo tai xanh.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Danh sách hộ chăn nuôi có nhu cầu hỗ trợ vắc xin tiêm phòng bệnh heo tai xanh (Mẫu số 1).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Các hộ chăn nuôi heo có quy mô tổng đàn từ 50 con trở xuống trên địa bàn tỉnh Long An.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND ngày 03/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An về việc ban hành Quy định về hỗ trợ vắc xin phòng bệnh heo tai xanh trên địa bàn tỉnh Long An.

PHỤ LỤC BIỂU MẪU

Mẫu số 1

UBND HUYỆN:.....

UBND XÃ:.....

DANH SÁCH

HỘ CHĂN NUÔI CÓ NHU CẦU HỖ TRỢ VẮC XIN TIÊM PHÒNG BỆNH HEO TAI XANH

TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ (Ấp)	Số điện thoại	Số lượng heo (dự kiến đến thời điểm tiêm phòng)		Chữ ký chủ hộ
				Tổng đàn (con)	Heo trong diện tiêm phòng (con)	
1						
2						
...						
Tổng cộng:hộ				

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ

(Ký tên và đóng dấu)

....., ngàytháng..... năm

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Thời gian tiêm phòng theo hướng
dẫn của Sở Nông nghiệp và PTNT

II. LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT

1. Tên thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa

a) Trình tự thực hiện:

+ *Bước 1*: Chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định của pháp luật.

+ *Bước 2*: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại cửa khẩu Trạm Kiểm dịch thực vật thuộc Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Quản lý chất lượng nông sản.

* Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

. Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy tiếp nhận hồ có ghi ngày hẹn trả kết quả và ghi vào sổ theo dõi.

. Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn lại cho người nộp hồ sơ.

* Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ Hai đến thứ Sáu trong giờ làm việc hành chính.

+ *Bước 3*: Nhận giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và trả kết quả tại cửa khẩu Trạm Kiểm dịch thực vật thuộc Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Quản lý chất lượng nông sản.

* Thời gian nhận giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật: Từ thứ Hai đến thứ Sáu trong giờ làm việc hành chính.

b) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật (Phụ lục I ban hành kèm theo thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014).

+ Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do cơ quan kiểm dịch thực vật có thẩm quyền của nước xuất khẩu.

+ Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu (trường hợp quy định phải có Giấy phép).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c) **Thời hạn giải quyết**: 24 giờ kể từ ngày nhận hồ sơ.

d) **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Cá nhân.

đ) **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: Trạm Kiểm dịch thực vật nội địa thuộc Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Quản lý chất lượng nông sản.

e) **Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính**: Giấy chứng nhận (Phụ lục II ban hành kèm theo thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014).

g) **Phí và lệ phí**:

+ Phí kiểm dịch thực vật.

+ Mức phí thu tùy theo khối lượng từ 278.000 - 550.000 đồng.

h) **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**: Giấy khai báo lô hàng kiểm dịch thực vật.

i) **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

- Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

- Thông tư số 30/2017/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2014 quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật và sửa đổi khoản 3 Điều 2 Thông tư số 18/2016/TT-BNNPTNT ngày 24/6/2016 về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

- Thông tư số 34/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2014 và Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH THỰC VẬT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH THỰC VẬT (*)

Kính gửi: (**)

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax/E-mail:.....

Số Giấy CMND:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Đề nghị quý cơ quan kiểm dịch lô hàng nhập khẩu sau (***):

1. Tên hàng:..... Tên khoa học:.....

Cơ sở sản xuất:.....

Mã số (nếu có):.....

Địa chỉ:.....

2. Số lượng và loại bao bì:.....

3. Khối lượng tịnh:..... Khối lượng cả

bì:.....

4. Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán (L/C, TTr...):.....

5. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu:.....

Địa chỉ:.....

6. Nước xuất khẩu:.....

7. Cửa khẩu xuất:.....

8. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu:.....

Địa chỉ:.....

9. Cửa khẩu nhập:.....

10. Phương tiện vận chuyển:.....

11. Mục đích sử dụng:.....

12. Giấy phép kiểm dịch nhập khẩu (nếu có):.....

13. Địa điểm kiểm dịch:.....

14. Thời gian kiểm dịch:.....

15. Số bản Giấy chứng nhận kiểm dịch cần cấp:.....

16. Nơi hàng đến:.....

Chúng tôi xin cam kết: Bảo quản nguyên trạng hàng hóa nhập khẩu, đưa về đúng địa điểm, đúng thời gian được đăng ký và chỉ đưa hàng hóa ra lưu thông sau khi được quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch (****).

Tổ chức cá nhân đăng ký
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Cơ quan Kiểm dịch

Đồng ý đưa hàng hóa về địa điểm:..... để làm thủ
tục kiểm dịch vào hồi..... giờ ngày..... tháng..... năm.....

Lô hàng chỉ được thông quan sau khi có Giấy chứng nhận kiểm dịch

Vào sổ số....., ngày... tháng... năm...

.....(*).....
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Cơ quan Hải quan

(trong trường hợp lô hàng không được nhập khẩu)

Lô hàng không được nhập khẩu vào Việt Nam vì lý do:.....
.....

....., ngày... tháng... năm...
Chi cục Hải quan cửa khẩu.....
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(*) Đăng ký theo Mẫu này được thể hiện trên 2 mặt của tờ giấy khổ A4;

(**) Tên cơ quan Kiểm dịch;

(***) Phải có đầy đủ các tiêu chí theo đúng thứ tự và khai các tiêu chí thích hợp đối với lô hàng;

(****) Cam kết này chỉ ghi khi đăng ký kiểm dịch đối với hàng hóa nhập khẩu;

Lưu ý: Cá nhân đăng ký không có con dấu phải ghi rõ số Giấy chứng minh nhân dân, ngày tháng và nơi cấp.

2. Tên thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và kiểm tra an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu

a) Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký kiểm tra về ATTP trực tiếp tại Trạm kiểm dịch thực vật nội địa thuộc Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Quản lý chất lượng nông sản.

+ Bước 2: Trạm kiểm dịch thực vật nội địa tiếp nhận, kiểm tra:

. Kiểm tra hồ sơ: Trạm Kiểm dịch thực vật nội địa thực hiện xem xét hồ sơ đăng ký (nguồn gốc xuất xứ, lịch sử tuân thủ các quy định về ATTP của tổ chức, cá nhân, cơ sở sản xuất; các quy định đối với thực phẩm biến đổi gen, thực phẩm đã qua chiếu xạ và các quy định khác có liên quan).

. Kiểm tra ngoại quan (không áp dụng với lô hàng tạm nhập tái xuất): Trạm Kiểm dịch thực vật nội địa thực hiện kiểm tra tình trạng bao gói, ghi nhãn khi hàng đến cửa khẩu; kiểm tra sự phù hợp với nội dung khai báo và các dấu hiệu bất thường có nguy cơ mất an toàn thực phẩm.

. Lấy mẫu kiểm nghiệm (không áp dụng với lô hàng tạm nhập tái xuất):

Cơ quan kiểm tra thực hiện lấy mẫu kiểm nghiệm các chỉ tiêu ATTP tại địa điểm đã được đăng ký.

Việc lấy mẫu kiểm nghiệm phải đảm bảo tính đại diện cho các sản phẩm nhập khẩu và được thực hiện bất kỳ trong số các lô hàng kiểm tra nhập khẩu.

. Thực hiện lập biên bản kiểm tra hồ sơ, ngoại quan và lấy mẫu theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 của Thông tư 12/2015/TT-BNNPTNT.

+ Bước 3: Trả kết quả hồ sơ hành chính.

Tổ chức cá nhân nhận kết quả tại Trạm kiểm dịch thực vật nội địa thuộc Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Quản lý chất lượng nông sản.

b) Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ).

+ Sáng: Từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút.

+ Chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ.

c) Cách thức thực hiện thủ tục hành chính: Trực tiếp tại Trạm kiểm dịch thực vật nội địa (thuộc Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Quản lý chất lượng nông sản).

d) Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật và kiểm tra an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu (theo mẫu quy định tại Phụ lục Ia ban hành kèm theo Thông tư 34/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018).

- Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do cơ quan kiểm dịch thực vật có thẩm quyền của nước xuất khẩu.

- Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu (trường hợp quy định phải có Giấy phép).

- Trường hợp hàng nhập khẩu là thức ăn thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có nguồn gốc thực vật thì nộp Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật và kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có nguồn gốc thực vật nhập khẩu. (theo mẫu quy định tại Phụ lục Ib ban hành kèm theo Thông tư 34/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018)

. Đối với hàng hóa nhập khẩu có chứa thành phần biến đổi gen:

Có tên trong Danh mục thực vật biến đổi gen được cấp Giấy xác nhận theo quy định của Thông tư số 02/2014/TT-BNNPTNT ngày 24/01/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định trình tự, thủ tục cấp và thu hồi Giấy xác nhận thực vật biến đổi gen đủ điều kiện sử dụng làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi;

. Đối với hàng hóa đã qua chiếu xạ:

Bản sao Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp theo quy định tại Thông tư 63/2010/TT-BNNPTNT ngày 01/11/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc quy định Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết:

+ Cấp Giấy chứng nhận kiểm tra ATTP cho các lô hàng nhập khẩu trong thời gian không quá 01 (một) ngày làm việc như sau:

. Đối với trường hợp quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 9 (Tại cửa khẩu hoặc nơi tập kết, thực hiện kiểm tra hồ sơ, ngoại quan và lấy mẫu kiểm nghiệm với tần suất đến 10% đối với các lô hàng nhập khẩu tùy theo mức độ rủi ro của hàng hóa. Trường hợp này, tổ chức cá nhân được phép làm thủ tục thông quan sau khi được Cơ quan kiểm tra thực hiện kiểm tra hồ sơ, ngoại quan đạt yêu cầu và cấp Giấy chứng nhận kiểm tra ATTP theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 của Thông tư số 12/2015/TT-BNNPTNT ngày 16/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), khoản 2 (Trường hợp lô hàng nhập khẩu đang bị áp dụng phương thức kiểm tra chặt nhưng không phải lấy mẫu kiểm nghiệm, tổ chức cá nhân được phép làm thủ tục thông quan sau khi được cơ quan kiểm tra thực hiện kiểm tra hồ sơ, ngoại quan đạt yêu cầu.) và điểm a, khoản 3 Điều 10 (Đối với lô hàng của tổ chức cá nhân không có hàng hóa cùng loại, cùng nước xuất xứ nhập khẩu vi phạm trước đó: Được phép làm thủ tục thông quan sau khi có kết quả kiểm tra hồ sơ, ngoại quan đạt yêu cầu) của Thông tư số 12/2015/TT-BNNPTNT ngày 16/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ đăng ký.

. Đối với trường hợp quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 10 (Đối với lô hàng của tổ chức, cá nhân có hàng hóa cùng loại, cùng nước xuất xứ nhập khẩu trước đó đã vi phạm quy định về ATTP: Chỉ được phép làm thủ tục thông quan sau khi có kết quả kiểm tra, kiểm nghiệm mẫu đạt yêu cầu) của Thông tư số 12/2015/TT-BNNPTNT ngày 16/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kể từ khi có kết quả phân tích đạt yêu cầu của phòng kiểm nghiệm được chỉ định.

+ Thông báo lô hàng không đạt yêu cầu ATTP (theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 của Thông tư số: 12/2015/TT-BNNPTNT) trong thời gian không quá 01 (một) ngày làm việc sau khi có kết quả kiểm tra lô hàng không đạt yêu cầu.

+ Thời gian từ khi lấy mẫu, gửi mẫu, kiểm nghiệm và trả lời kết quả tối đa không quá 10 ngày làm việc.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các tổ chức, cá nhân.

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Trạm kiểm dịch thực vật nội địa thuộc Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Quản lý chất lượng nông sản.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận (theo mẫu quy định tại Phụ lục IIa ban hành kèm theo Thông tư 34/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018)

i) Yêu cầu, điều kiện: Không.

k) Phạm vi, phí và lệ phí:

+ Giấy chứng nhận kiểm tra An toàn thực phẩm có giá trị cho từng lô hàng.

+ Phí kiểm tra an toàn thực phẩm:

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu (1.000 đồng)
1	Phí kiểm tra hồ sơ	Lô	15
2	Phí lấy mẫu, lưu mẫu và vận chuyển mẫu		105
	Mẫu tối thiểu của lô hàng	(05 mẫu)	20
	Mẫu lấy thêm theo trọng lượng lô hàng (Từ 5 đến 15 mẫu)	01 mẫu	5
	Vận chuyển mẫu (<3kg)	Lô	80
3	Phí kiểm tra cảm quan và vật lý		25
	Xác định màu sắc, mùi, vị	Lô	15
	Độ đồng đều của sản phẩm.	Lô	5
	Đánh giá điều kiện bao gói, ghi nhãn vận chuyển và bảo quản	Lô	5
4	Phân tích nhanh dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (bằng test kit).	Mẫu	130

l) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật và kiểm tra an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu (theo mẫu quy định tại Phụ lục Ia ban hành kèm theo Thông tư 34/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018).

- Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật và kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có nguồn gốc thực vật nhập khẩu (theo mẫu quy định tại Phụ lục Ib ban hành kèm theo Thông tư 34/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018).

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

- Thông tư số 30/2017/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2014 quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật và sửa đổi khoản 3 Điều 2 Thông tư số 18/2016/TT-BNNPTNT ngày 24/6/2016 về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

- Thông tư số 34/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 và Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

PHỤ LỤC IA

MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH THỰC VẬT VÀ KIỂM TRA AN TOÀN THỰC PHẨM HÀNG HÓA CÓ NGUỒN GỐC THỰC VẬT NHẬP KHẨU
(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ

**KIỂM DỊCH THỰC VẬT VÀ KIỂM TRA AN TOÀN THỰC PHẨM HÀNG HÓA
CÓ NGUỒN GỐC THỰC VẬT NHẬP KHẨU ⁽¹⁾**

Kính gửi:⁽²⁾

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:

Địa chỉ:

Số CMND/căn cước (đối với cá nhân):, ngày cấp, nơi cấp

Điện thoại: Fax/E-mail:

Đề nghị quý cơ quan kiểm dịch và kiểm tra an toàn thực phẩm (ATTP) lô hàng nhập khẩu sau: ⁽³⁾

1. Tên, địa chỉ, điện thoại của tổ chức, cá nhân nhập khẩu:

2. Tên, địa chỉ, điện thoại của thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:

3. Thông tin chi tiết lô hàng:

TT	Tên mặt hàng	Tên khoa học	Nhóm sản phẩm	Tên và địa chỉ nhà sản xuất (Mã số nếu có)	Phương thức kiểm tra	Số văn bản xác nhận phương thức kiểm tra ⁽⁴⁾
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)

4. Số lượng và loại bao bì:

5. Trọng lượng tịnh: Trọng lượng cả bì

6. Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán (L/C, TTr.): Số Bill

7. Tên, địa chỉ, điện thoại của thương nhân xuất khẩu:

8. Xuất xứ hàng hóa:

9. Nước xuất khẩu:

10. Thời gian nhập khẩu dự kiến:

11. Cửa khẩu đi (cửa khẩu xuất):

12. Cửa khẩu đến (cửa khẩu nhập):
13. Thời gian kiểm tra:
14. Địa điểm kiểm tra:
15. Phương tiện vận chuyển:
16. Mục đích sử dụng:
17. Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu (nếu có):
18. Số bản giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và kiểm tra ATTP cần cấp:
19. Nơi hàng đến:

Chúng tôi xin cam kết: Bảo đảm nguyên trạng hàng hóa nhập khẩu, đưa về đúng địa điểm, đúng thời gian được đăng ký và chỉ đưa hàng hóa ra lưu thông/sử dụng sau khi được quý cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch và kiểm tra ATTP theo quy định⁽¹⁾.

Đại diện tổ chức, cá nhân đăng ký
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Cơ quan Kiểm dịch thực vật và kiểm tra an toàn thực phẩm

Đồng ý đưa hàng hóa về địa
điểm:

để làm thủ tục kiểm dịch thực vật và kiểm tra ATTP (đối với phương thức kiểm tra chặt)
vào hồi.....giờ....., ngày.....tháng.....năm.....

Vào
số số....., ngày.....tháng.....năm.....
Đại diện cơ quan kiểm tra⁽²⁾
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Cơ quan Hải quan

(Trong trường hợp lô hàng không được nhập khẩu)

Lô hàng không được nhập khẩu vào Việt Nam vì lý
do:

....., ngày.....tháng.....năm.....
Hải quan cửa khẩu.....
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(1) Đăng ký theo mẫu này được thể hiện trên 2 mặt giấy khổ A4;

(2) Tên Cơ quan kiểm dịch thực vật và kiểm tra an toàn thực phẩm;

- (3) Phải có đủ các tiêu chí theo đúng thứ tự và khai các tiêu chí thích hợp đối với lô hàng;
- (4) Là số thông báo của cơ quan có thẩm quyền thông báo mặt hàng được kiểm tra theo phương thức kiểm tra ATTP;
- (5) Cam kết này chỉ ghi khi đăng ký kiểm dịch thực vật và kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu.

Lưu ý: Cá nhân đăng ký không có dấu phải ghi rõ thông tin số CMND/căn cước.

PHỤ LỤC IB

MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH THỰC VẬT VÀ KIỂM TRA XÁC NHẬN CHẤT LƯỢNG THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỨC ĂN THỦY SẢN CÓ NGUỒN GỐC THỰC VẬT NHẬP KHẨU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ

KIỂM DỊCH THỰC VẬT VÀ KIỂM TRA XÁC NHẬN CHẤT LƯỢNG THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỨC ĂN THỦY SẢN CÓ NGUỒN GỐC THỰC VẬT NHẬP KHẨU

Số/No:
.....
<i>(Dành cho tổ chức, cá nhân đăng ký kiểm tra ghi)</i>

Số/No:
.....
<i>(Dành cho cơ quan kiểm tra ghi)</i>

Kính gửi:

1. Bên bán hàng/Seller: <i>(hãng, nước)</i>
2. Địa chỉ, Điện thoại, Fax/ <i>Address, Phone</i> :
3. Nơi xuất hàng/ <i>Port of departure</i> :
4. Bên mua hàng/ <i>Buyer</i> :
Số CMND/căn cước (đối với cá nhân): , ngày cấp , nơi cấp
5. Địa chỉ, Điện thoại, Fax/ <i>Address, Phone</i> :
6. Nơi nhận hàng/ <i>Port of Destination</i> :
7. Thời gian nhập khẩu dự kiến/ <i>Importing date</i> :
MÔ TẢ HÀNG HÓA/DESCRIPTION OF GOODS
8. Tên hàng hóa/ <i>Name of goods</i> :
Tên khoa học (nếu có):
9. Số lượng, khối lượng/ <i>Quantity, Volume</i> :
Số lượng và loại bao bì:

Trọng lượng tịnh:	Trọng lượng cả bì:
10. Xuất xứ hàng hóa:	
11. Mục đích sử dụng:	
12. Mã số công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản được cấp phép lưu hành tại Việt Nam/ <i>Registration number</i> .	
13. Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu (nếu có):	
14. Cơ sở sản xuất/ <i>Manufacturer (hãng, nước sản xuất)</i> :	
15. Địa điểm tập kết hàng/ <i>Location of storage</i> :	
16. Thời gian đăng ký lấy mẫu kiểm tra/ <i>Date for sampling</i> :	
17. Địa điểm đăng ký lấy mẫu kiểm tra/ <i>Location for sampling</i> :	
18. Thông tin người liên hệ/ <i>Contact person</i> :	
19. Hợp đồng mua bán/ <i>Contract</i> : Số	ngày
20. Hóa đơn mua bán/ <i>Invoice</i> : Số	ngày
21. Phiếu đóng gói/ <i>Packing list</i> , Số	ngày
DÀNH CHO CƠ QUAN KIỂM TRA	
22. Yêu cầu kiểm tra chi tiêu/ <i>Analytical parameters required</i> :	
23. Chế độ kiểm tra chất lượng:	
(Số văn bản xác nhận chế độ kiểm tra chất lượng trường hợp miễn/giảm/chặt)	
24. Thời gian kiểm tra/ <i>Date of testing</i> :	
25. Đơn vị thực hiện kiểm tra:	
<p>Đối với hàng nhập khẩu, Giấy này có giá trị để làm thủ tục hải quan. Sau đó doanh nghiệp phải xuất trình toàn bộ hồ sơ và hàng hóa đã hoàn thành thủ tục hải quan cho cơ quan kiểm tra để được kiểm tra chất lượng theo quy định/<i>This registration is used for customs clearance in term of imported goods. Consigner is required to submit to the inspection body, afterward, all related document of the imported goods</i></p>	
<p>Chúng tôi xin cam kết: Bảo đảm nguyên trạng hàng hóa nhập khẩu, đưa về đúng địa điểm, đúng thời gian được đăng ký và chỉ đưa hàng hóa ra lưu thông/sử dụng sau khi được quý cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch và Giấy xác nhận chất lượng.</p>	

..... ngày/date:
Đại diện tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Xác nhận của Cơ quan kiểm dịch và kiểm tra chất lượng

Đồng ý đưa hàng hóa về địa điểm: để làm thủ tục
kiểm dịch và kiểm tra chất lượng (đối với chế độ kiểm tra giảm có thời hạn) vào
hồi giờ, ngày.....tháng.....năm.....

Sau khi có Giấy tạm cấp kết quả kiểm dịch thực vật hoặc Giấy chứng nhận kiểm dịch thực
vật lô hàng có thể được đưa về kho bảo quản để kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy
sản có nguồn gốc thực vật nhập khẩu theo quy định của pháp luật (đối với chế độ kiểm tra
thông thường, kiểm tra chặt).

Lô hàng chỉ được phép thông quan sau khi có Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và Giấy
xác nhận chất lượng.

....., ngày..... tháng.....năm.....
Đại diện cơ quan kiểm tra
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Cơ quan Hải quan

(Trong trường hợp lô hàng không được nhập khẩu)

Lô hàng không được nhập khẩu vào Việt Nam vì lý
do:.....

....., ngày..... tháng.....năm.....
Hải quan cửa khẩu.....
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

3. Tên thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ vật thể nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật (vận chuyển nội địa) tại Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Quản lý chất lượng nông sản.

- Bước 2: Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Quản lý chất lượng nông sản có trách nhiệm tiếp nhận và kiểm tra ngay tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì yêu cầu chủ vật thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ, Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Quản lý chất lượng nông sản quyết định địa điểm và bố trí công chức kiểm tra ngay lô vật thể.

- Bước 4: Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Quản lý chất lượng nông sản cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa trong vòng 24 giờ kể từ khi bắt đầu kiểm dịch đối với lô vật thể không bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ.

Trường hợp kéo dài hơn 24 giờ do yêu cầu về chuyên môn kỹ thuật hoặc trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa thì Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Quản lý chất lượng nông sản phải thông báo hoặc trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho chủ vật thể biết.

- Bước 5: Chủ vật thể nhận kết quả tại Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Quản lý chất lượng nông sản.

* Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần (trừ ngày nghỉ theo quy định).

+ Sáng: Từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút.

+ Chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ 00 phút.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp tại Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Quản lý chất lượng nông sản.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 35/2015/TT-BNNPTNT).

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 24 giờ

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động vận chuyển vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật từ vùng bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Quản lý chất lượng nông sản tỉnh Long An (thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa (Theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 33/2014/TT-BNNPTNT)

h) Phí, lệ phí:

Phí kiểm dịch thực vật (Mục III, biểu phí kèm theo Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật vận chuyển nội địa (Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 35/2015/TT-BNNPTNT).

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13;
- Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.
- Thông tư 35/2015/TT-BNNPTNT ngày 14/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về kiểm dịch thực vật nội địa.
- Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

Phụ lục V
MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH THỰC VẬT VẬN CHUYỂN NỘI ĐỊA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 35 /2015/TT-BNNPTNT ngày 14 tháng 10 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH THỰC VẬT VẬN CHUYỂN NỘI ĐỊA

Kính gửi:.....

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax/E-mail:

Số Giấy CMND:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Đề nghị quý cơ quan kiểm dịch lô hàng vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật sau:

1. Tên hàng:..... Tên khoa học:.....

Cơ sở sản xuất:.....

Địa chỉ:.....

2. Số lượng và loại bao bì:.....

3. Khối lượng tịnh:..... Khối lượng cả bì:.....

4. Phương tiện chuyên chở:.....

5. Nơi đi:.....

6. Nơi đến:.....

7. Mục đích sử dụng:.....

8. Địa điểm sử dụng:.....

9. Thời gian kiểm dịch:.....

10. Địa điểm, thời gian giám sát xử lý (nếu có):.....

.....

Số bản Giấy chứng nhận KDTV cần cấp:..... bản chính;..... bản sao ...

Vào sổ số:..... ngày...../...../.....

Cán bộ KDTV nhận giấy đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)

Tổ chức, cá nhân đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)